

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ B
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19 /2022/HNGĐ-ST
Ngày 04 tháng 4 năm 2022
“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ B - TỈNH ĐIỆN BIÊN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Ích Rõng
Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Quảng Văn Minh
2. Bà: Lò Thị Vinh

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ B - tỉnh Điện Biên.

Ngày 04 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ B, tỉnh Điện Biên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự, thụ lý số: 69/2022/TLST-HNGĐ, ngày 12 tháng 1 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị L, **sinh năm 1990**.
Nơi cư trú: Thôn 5, xã P L, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên;
có mặt tại phiên tòa.
2. *Bị đơn:* Anh Đỗ Văn H, **sinh năm 1982**.
Nơi cư trú: Thôn 5, xã P L, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên
Vắng mặt tại phiên tòa có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn **xin ly hôn** ngày 12 tháng 1 năm 2022, tại bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Đỗ Văn H có đăng ký kết hôn tại UBND xã S M, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên vào ngày 02/10/2009. Chị L và anh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, quá trình tìm hiểu không có sự ép buộc và tác động từ bên ngoài. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị L, anh H chung sống hòa thuận, đầm ấm, hạnh phúc đến **tháng 5 năm 2016** thì bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn; do tính tình chị L và anh H không hợp nhau, thường xuyên cãi nhau. Mặc dù vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không thành; cuộc sống chung của vợ chồng ngày càng lâm vào tình trạng trầm trọng. Đến tháng **01 năm 2020**, chị L và anh H đã sống ly thân cho đến nay. Chị L xét thấy tình cảm vợ

chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị L làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Đ B, tỉnh Điện Biên xem xét giải quyết cho chị L được ly hôn với anh Đỗ Văn H.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Đỗ Văn H có 03 người con chung là cháu Đỗ Minh Q, sinh ngày 20/6/2010, Đỗ gia K, sinh ngày 06/3/2018 và Đỗ Vĩnh T, sinh ngày 17/12/2019. Nguyên vọng của chị L được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đỗ gia K, sinh ngày 06/3/2018 và Đỗ Vĩnh T, sinh ngày 17/12/2019 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi; anh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đỗ Minh Q, sinh ngày 20/6/2010. Về cấp dưỡng nuôi con chung chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản:

- Tài sản chung của vợ chồng: Không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Tài sản riêng: Không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Nợ phải trả; nợ lấy về: Không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Bị đơn: Anh Đỗ Văn H trình bày: Anh H và chị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã S M; anh H và chị L sống hạnh phúc được 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống; nay chị L yêu cầu ly hôn thì anh H không nhất trí ly hôn.

- Về con chung: Anh H có nguyên vọng trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đỗ Minh Q, sinh ngày 20/6/2010 cho đến khi cháu Q đủ 18 tuổi; chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đỗ gia K, sinh ngày 06 tháng 3 năm 2018 và Đỗ Vĩnh T, sinh ngày 17 tháng 12 năm 2019 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về Tài sản chung, tài sản riêng, nợ phải trả, nợ lấy về: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Đỗ Văn H cư trú tại Thôn 5, xã P L, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên. Chị L khởi kiện xin ly hôn, giao nuôi con chung với anh H nên Tòa án nhân dân huyện Đ B thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Đỗ Văn H có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa nên phiên tòa tiến hành xét xử vắng mặt anh H theo khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 BLTTDS.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và Anh Đỗ Văn H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 02/ 10/2009 tại UBND xã Sam Mứn, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên. Sau khi kết hôn Chị L và anh H chung sống hạnh phúc đến tháng 5 năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do tính cách không hợp

nhau, bất đồng quan điểm sống. Chị L và anh H đã sống ly thân từ tháng 01 năm 2020 cho đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy, vợ chồng anh chị không thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, ai biết bổn phận của người đó, điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh H đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L, cần giải quyết cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Đỗ Văn H.

Anh H không nhất trí ly hôn nhưng Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần không thành, chứng tỏ giữa chị L và anh H đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên không chấp nhận yêu cầu của anh H.

[3] Về con chung: Chị L và anh H có nguyện vọng như sau: Anh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đỗ Minh Q, sinh ngày 20/6/2010 cho đến khi cháu Q đủ 18 tuổi; chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đỗ gia K, sinh ngày 06/3/2018 và Đỗ Vĩnh T, sinh ngày 17/12/2019 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử xét thấy nguyện vọng của chị L và anh H phù hợp với pháp luật và ý kiến của cháu Q nên chấp nhận. Về cấp dưỡng nuôi con thì chị L và anh H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 5 BLTTDS, không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung; tài sản riêng; nợ chung: Chị Nguyễn Thị L và anh H không yêu cầu giải quyết về phần tài sản chung, tài sản riêng, nợ phải trả, nợ lấy về nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 5 BLTTDS, không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các khoản 1 Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội, Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L ly hôn anh Đỗ Văn H.

2. Về con chung: Giao cho anh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đỗ Minh Q, sinh ngày 20/6/2010 cho đến khi cháu Q đủ 18 tuổi; giao cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đỗ

gia K, sinh ngày 06/3/2018 và Đỗ Vĩnh T, sinh ngày 17/12/2019 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Anh H và chị L không trực tiếp nuôi con nhưng có quyền đi lại, thăm nom con chung, không ai được cản trở quyền này. Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên; người thân thích; Cơ quan quản lý Nhà nước về gia đình; Cơ quan quản lý Nhà nước về trẻ em; Hội liên hiệp phụ nữ thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung;

Về cấp dưỡng nuôi con: Tòa án không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung; tài sản riêng; nợ chung: Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch; được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai số: 0004883 ngày 12/1/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ B; Chị L đã nộp đủ.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị L được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Đỗ Văn H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án tại UBND xã P L, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện Đ B;
- Chi cục THADS huyện Đ B;
- UBND xã S M;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Ích Ròng

